

CHƯƠNG 7

Thất bại trong hoà bình và cơ may bị bỏ lỡ.

Sau ngày Đảng Cộng Sản Việt Nam chiến thắng, chánh phủ Cách Mạng Lâm Thời Miền Nam Việt Nam bị gạt sang bên lề của lịch sử. Tất cả quyền hành trong những tháng đầu đều nằm trong tay Ủy ban quân quản, dưới quyền của ông Võ văn Kiệt. Tướng Trần Văn Trà, đại diện cho Hà Nội tại Sài Gòn, Phạm Hùng và Lê Đức Thọ trách nhiệm về đường lối chính trị. Theo ông Trương Như Tảng, nguyên bộ trưởng bộ tư pháp của chánh phủ cách mạng lâm thời, trong cuốn sách nhan đề "Mémoire d'un Việt cộng, nhà xuất bản Flammarion Paris, 1985" thì chánh phủ nói trên không còn một quyền hạn gì và *"càng ngày chúng tôi càng không thể làm ngơ được trước thái độ ngạo mạn và khinh khi của những cán bộ đảng. Những thành phần này tự coi như là những kẻ đi chinh phục, còn chúng tôi thì được coi như kẻ thất trận". "Các đồng nghiệp khác của tôi cũng mất dần đi những ảo tưởng"*. Bà Dương Quỳnh Hoa, bộ trưởng bộ y tế cũng rời bỏ chức vụ với một câu chán nản *" Để các ông cán bộ miền Bắc muốn làm mưa làm gió gì thì làm "*

Trung tuần tháng 7-1975, ông Phạm Hùng trong một cuộc hội nghị đại biểu các tổ chức trong Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, Chánh phủ cách mạng lâm thời, Liên minh các lực lượng dân tộc, dân chủ và hoà bình, đã đề cập đến một nước Việt Nam thống nhất, mà không đã động gì tới số phận của Mặt Trận và Chánh Phủ Cách Mạng Lâm Thời, mà trong thời chiến vẫn được coi là đại diện chính thức của miền Nam. Ông Trần Bửu Kiếm, vẫn theo lời ông Tảng, đã ghé vào tai tôi thì thầm *"Họ đang chôn tụi mình không kèn không trống. Họ cũng thiếu cả sự tế nhị là đọc cho một bài diếu văn"*. Ông Trương Như Tảng, sau khi di tản sang Âu Châu đã được một số dân biểu Hoa Kỳ mời sang điều trần trước quốc hội, có ông Thái Quang Trung theo giúp thông ngôn. Trong dịp này, ông Trương Như Tảng có đến thăm xã giao với cựu đại tá Nguyễn Huy Lợi. Trong hai ngày đàm luận với ông Lợi, ông Tảng cho biết ông ta sẽ tranh đấu dưới chính nghĩa quốc gia. Và đưa đề nghị hợp tác với ông Lợi sau khi cho biết là ông ta đã được Trung Cộng ủng hộ để chống chế độ cộng sản Việt Nam. Ông Lợi cảm ơn lòng chân thành của ông Tảng, nhưng không có ý định theo con đường đó.

Sau Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 24, một hội nghị chính trị về vấn đề thống nhất đất nước được triệu tập ngày 15-11-1975. Ông Trường Chinh, cầm đầu phái đoàn Bắc Việt và ông Phạm Hùng, nhân vật thứ 4 của Bộ Chính trị, Đảng Cộng Sản VN, cầm đầu phái đoàn miền Nam Việt Nam chứ không phải những nhân vật của Chánh phủ cách mạng lâm thời hay Mặt trận dân tộc giải phóng. Hội nghị đã quyết định tổ chức tuyển cử quốc hội thống nhất vào tháng 4 năm 1976. Kết quả cuộc bầu cử dĩ nhiên là 99% bỏ phiếu đồng ý thống nhất đất nước. Đến ngày 2-7-1976, quốc hội tuyên bố nước Việt Nam thống nhất. Trong suốt thời gian này, không ai nhắc tới sự hiện hữu trước đó của MTDTGP/MNVN và CPCMLT/MNVN. Cũng như không có việc chính thức tuyên bố giải thể các cơ quan và tổ chức này. Trước số phận của MTDTGP/MNVN và của những người thuộc chế độ cũ bị đưa đi học tập, cải tạo mỗi ngày mỗi nhiều (gần 300.000 người) thì thiện cảm và lòng tin tưởng vào tương lai đất nước của những người tranh đấu cho hoà bình càng ngày càng giảm dần. Họ thức tỉnh khi thấy độc tài đảng trị đang đè nặng lên toàn cõi miền Nam. Những người chiến thắng không có được lòng độ lượng tối thiểu đối với đồng loại thất thế, đã áp dụng một chính sách trả thù tàn bạo đối

với đa số những người chỉ có một tội đã sống dưới chế độ quốc gia vì sự ngẫu nhiên của lịch sử.

Cuộc chiến tranh 30 năm đã kết liễu và nước Việt Nam hoàn toàn độc lập và thống nhất. Nhưng dân tộc Việt Nam chưa ra khỏi tăm tối và nghèo nàn. Có Độc Lập, có Thống Nhất nhưng chưa có Tự Do và Dân Chủ. Cái khác có lẽ chỉ ở bình diện ngôn ngữ. Trước đây có hai nền độc tài: một bên là độc tài quân phiệt, một bên là độc tài vô sản. Nay chỉ còn một độc tài vô sản. Nhưng nói cho cùng, nếu nhìn vào lịch sử Việt Nam thì thấy danh xưng có khác nhưng giữa Thiên Tử và Tổng Bí Thư, Chủ Tịch hay Tổng Thống, giữa ông quan, ông công chức hay ông cán bộ, tất cả tư duy và tác phong của họ đều giống nhau. Có hiện tượng đó vì dân tộc Việt Nam không có truyền thống dân chủ, do nguyên nhân văn hoá và kinh tế. Nước Việt Nam cho tới đầu thế kỷ thứ 20 chỉ có hai tầng lớp xã hội: nông dân và sĩ phu. Ngay cả khi một tầng lớp tư bản và tiểu tư sản thành thị thành hình dưới thời Pháp thuộc, phần lớn cũng trở thành một lớp công chức thay thế cho tầng lớp quan lại thời xưa. Đất nước Việt Nam không có một xã hội công dân và một xã hội dân sự thật sự. Họ thiếu ý thức giai cấp, nên đã không đảm bảo được vai trò lịch sử của họ. Ông Trần Văn Giàu, một trí thức cộng sản, giáo sư triết và lịch sử tại Đại Học Tổng Hợp thành phố Hồ Chí Minh, khi viết về cái học "*Nho giáo là một khí cụ thống trị tỏ ra rất đặc lực ở trong tay các triều đình, các triều đình dùng nó để tạo thành những con người tuyệt đối phục tùng nhà vua, đồng thời xem mình là cha mẹ nhân dân, tạo thành một đẳng cấp sĩ phu có đặc quyền, bảo vệ những nguyên lý của một chủ nghĩa trung quân nói chung là mù quáng*". Và "*Chế độ quan trường là thứ quan liêu chủ nghĩa tai quái đặc biệt, bất lực, sâu mọt, khắc nghiệt vô cùng, xa lạ với những gì là dân chủ và hợp lý. Nó là con đẻ của Nho giáo phục vụ chế độ quân chủ*". (Triết học và tư tưởng, GS Trần Văn Giàu, nhà xuất bản thành phố HCM) Lời phê bình thật xác đáng và phản ánh đúng tình trạng xã hội dưới những thời quân chủ chuyên chế ở nước ta. Nhưng nếu ta dùng từ Lê-nin-nít và Sta-li-nít thay cho từ Nho Giáo, triều đình bằng bộ chính trị và chế độ quan trường bằng chế độ cán bộ đảng thì ta cũng có thể lập luận như GS Giàu là những tệ hại nói trên là con đẻ của ý thức hệ cộng sản phục vụ cho một đảng, như những gì đang diễn ra ở Việt Nam hiện nay. Phải chăng là người quốc gia hay cộng sản Việt Nam đã gặp nhau ở điểm là dù nói cách mạng hay dân chủ, tự do, nhưng di sản văn hoá của Nho vẫn nằm sâu trong tiềm thức của họ? Trong mỗi người Việt Nam khi đã nắm quyền, thì tinh thần gia trưởng của Nho Giáo lại sống lại một cách mãnh liệt. Những nhà lãnh đạo Việt Nam, quốc gia cũng như cộng sản có lẽ nghĩ rằng đã nhận được mệnh Trời thay Trời trị dân, cai trị đất nước, như vậy họ không chịu trách nhiệm trước ai ngoài Trời? Đất nước là của riêng của họ chăng?. Chỉ như vậy mới giải thích được lý do tại sao những người đã tranh đấu trong cả cuộc đời cho một lý tưởng, đã chịu tù đầy, đã gian khổ, đã thấy và sống đời sống đen tối của tầng lớp bản cùng lại trở nên sa đọa khi nắm được quyền hành. Ông **Nguyễn Văn Trấn**, trong cuốn sách "Viết cho Mẹ và Quốc Hội" đã viết một câu hết sức thảm thiết và tóm gọn nỗi uất ức của một cán bộ liêm khiết bị phản bội "*Tội ác của chế độ này, từ 40 năm nay, thật nói không hết*". Có thể nói là tất cả những người liêm khiết, chuộng tự do, mong muốn công bằng xã hội đều không có chỗ đứng trong những chế độ độc tài quốc gia hay cộng sản.

Do đó, con đường dẫn tới dân chủ ở Việt Nam còn rất dài và đầy chông gai. Nó đòi hỏi cả một quá trình thay đổi tư duy, hậu quả tất nhiên của một nền giáo dục mà mục tiêu là đào tạo những thế hệ trẻ có tinh thần lương thiện tri thức (probité intellectuelle) có kiến thức văn hoá và kỹ thuật, để trở thành những người công dân có trách nhiệm và liên đới với xã hội mình sống. Dĩ nhiên cơ cấu tổ chức của chế độ và những thể chế của nó cũng không kém phần quan hệ. Nhưng kinh nghiệm cho thấy là những nhân sự chính trị cầm quyền nếu không có tinh thần dân chủ thì vẫn sử dụng được những phương tiện hợp pháp để vi phạm hiến pháp. Kẻ có quyền thường có khuynh hướng lạm quyền. Nhất là khi dân trí chưa đủ trưởng thành và chưa ý thức được hết quyền lợi của mình để làm lực lượng đối trọng.

Sau ngày 30-4-1975, say với chiến thắng vừa đạt được và duy ý chí, giới lãnh đạo cộng sản Việt Nam đã vội vã thống nhất đất nước trên mặt chính trị và kinh tế, không lý gì đến những điều kiện tâm lý, kinh tế và chính trị địa phương, những yêu cầu và mong muốn của kháng chiến và dân chúng Nam Bộ, một tập thể đã chứng tỏ trong chiều dài của lịch sử là luôn luôn có tinh thần cởi mở, thích tự do nhưng bất khuất. Đem cả một bộ máy đảng và hành chính thiếu khả năng kỹ thuật và quản lý vào thay thế cho những cán bộ kháng chiến địa phương và guồng máy hành chính cũ đã làm tê liệt, ngừng trệ và suy sụp nền kinh tế và sản xuất của miền Nam. Một số nhân vật của MTDTGP/MNVN và CHCMLT đã bị gạt ra bên lề hay chỉ còn giữ những vai trò đại biểu xã giao. Nhưng trái với ý định của lãnh đạo miền Bắc muốn áp đặt không những một chế độ chính trị cho miền Nam mà cả một nền văn hoá vô sản. Nhưng thực tế đã chứng tỏ là lẽ lối sống và văn hoá của kẻ bại trận lại ảnh hưởng ngược trở lại miền Bắc khô khan. Những cán bộ Nam tiến của miền Bắc đã bị Nam hoá. Cuộc di cư năm 1954, người di dân miền Bắc đã đem tất cả tinh hoa của nền văn hoá lâu đời Việt Nam xuống vùng đất miền Nam hiếu khách và làm thay đổi sâu rộng lẽ lối sống của đồng bào miền Nam. Từ 1975 trở đi thì miền Nam lại làm công việc đem một nền văn hoá sống động ngược trở lại một miền Bắc còm cõi trên mọi phương diện. Nhạc vàng đã thay thế cho nhạc cách mạng. Bộ môn văn nghệ phần nào tìm lại được cảm hứng, những bài thơ suy tôn lãnh tụ không còn độc giả. Một luồng gió mới đã bắt đầu nổi lên, mặc dầu vẫn còn bị kìm kẹp bởi bộ máy của chế độ. Trí thức và một số cán bộ đã bắt đầu ngẩng đầu nhìn lên và người dân đã thấy rõ mặt thật của chế độ.

Trong giai đoạn đầu, tôi nghĩ rằng sau 30 năm nội chiến tàn khốc, đất nước bị tàn phá, lòng người còn mang nặng vết thương thù hận và một chuỗi vấn đề cùng đòi hỏi được giải quyết ưu tiên thì một thái độ khách quan, công bình và không thành kiến là có thể chờ một thời gian tối thiểu để cho chế độ mới chứng tỏ khả năng xây dựng đất nước và thiện chí hoà giải dân tộc trước khi có sự phán xét và chọn lựa. Nhưng sự thật đã chứng tỏ là những biện pháp kinh tế và chính trị nếu thích hợp trong thời chiến tranh thì ngược lại trở nên tai hại trong thời bình. Không một người lãnh đạo cộng sản nào ý thức được tình trạng đó, phần lớn vì không có căn bản quản lý và sự hiểu biết về đà tiến triển của thế giới trong thời đại mới. Trong một dịp nói chuyện với một nhân viên của Bắc Việt, tôi có nêu lên ý kiến của tôi là chánh quyền Việt Nam nên tìm mọi cách thiết lập lại ngoại giao với chánh phủ Hoa Kỳ để tìm nguồn viện trợ cũng như tìm phương cách mở cảng Cam Ranh cho mọi nước, dưới hình thức này hay hình thức khác. Câu trả lời của ông ta là: "*Không lẽ mình lại đi xin nước Mỹ cứu mình*". Đây là câu trả lời trong thời điểm năm 1978-1980. Sau này thì bộ chính trị và ông tổng thư ký đảng cộng

sản cũng phải đi vào con đường đó. Đã có lần ông Nguyễn Văn Linh, tổng bí thư ĐCSVN tuyên bố trong cuộc phỏng vấn của đài truyền hình Nhật Bản NKH là Mỹ và Nhật Bản có thể xử dụng cảng Cam Ranh, trong lúc Nga Sô Việt rút dần cơ cấu quân sự của họ đi. (Tin AFP đăng trong nhật báo Le Monde). Còn báo Far Eastern Economic Review ngày 22 tháng 12 năm 1990 thì viết " Ông Linh sốt sáng về vấn đề Hoa Kỳ là Việt Nam sẽ mở cảng Cam Ranh cho Hải Quân Hoa Kỳ ".

Trong những năm 1977-1978, Việt Nam đã gặp vấn đề gay go là tình trạng bất an ở biên giới phía đông miền Nam Việt Nam do hoạt động đánh phá quân sự của Khmer Đỏ. Những cuộc tàn sát dân chúng ở những vùng Hà Tiên, Châu Đốc, Long An và Tây Ninh càng ngày càng nhiều với sự xúi giục ngầm của Trung Cộng. Trung Cộng một mặt quấy rối ở miền Nam qua Khmer Đỏ, đe dọa Sài Gòn, đồng thời tấn công miền Bắc nhằm áp đặt một chế độ thân phục mình. Núi ý đồ đặt Việt Nam trong vùng ảnh hưởng như một chư hầu nên Trung Cộng lại dùng một chiến lược như thời nhà Tống đầu thế kỷ 11. Vua Tống Thần Tông hạ chiếu để Quách Qùy làm thống soái xâm lược Việt Nam dưới thời nhà Lý, đồng thời xúi giục Chiêm Thành và Chân Lạp quấy rối biên thùy phía Nam. Nhưng chiến lược đó đã bị Lý Thường Kiệt phá tan. Trước nguy cơ chiến lược đó, cộng sản Việt Nam đã quyết định tấn công Cao Miên vào tháng 12-1978, đưa Hun Sen lên nắm quyền. Nhờ cuộc hành quân đó mà dân tộc Cao Miên đã thoát khỏi một chế độ tàn bạo ghê gớm và cuộc diệt chủng tại nước này mới có cơ hội chấm dứt. Có lẽ trong trường hợp này, người Việt không phân biệt chánh kiến với một tinh thần khách quan mới thấy rõ thái độ tất cả vì quyền lợi của các cường quốc Âu Mỹ. Họ đã lên án cuộc hành quân của Việt Nam vào Cao Miên. Những phương tiện truyền thông bỏ quên không nói tới sự sống lại của dân tộc Miên, nhờ hành động trên của Việt Nam. Trong lúc các cường quốc đều lên án tính chất diệt chủng rõ rệt của Khmer Đỏ, biết rõ tính chất dã man của một chế độ nhưng họ vẫn để cho chánh phủ của Pol Pot một chỗ ngồi chính thức tại Liên Hiệp Quốc. Tuy nhiên, nếu cuộc hành quân vào đất Miên có thể giải thích vì lý do an ninh chiến lược, nhưng việc chiếm đóng lâu dài của quân đội trên đất Miên và cuộc chiến với Trung Cộng ở biên thùy phương Bắc trở thành một tai biến cho nền kinh tế Việt Nam, một phần do thái độ tẩy chay của thế giới, phần khác do phải dốc lực trong 10 năm vào chiến tranh ở Miên trong lúc chưa tái thiết lại được cơ sở kinh tế sau 30 năm chiến tranh.

Đến ngày 17-2-1979, ông Đặng Tiểu Bình tuyên bố sẽ cho Việt Nam một bài học bằng cách đem quân xâm lược biên giới miền Bắc Việt Nam. Các thị xã, thị trấn Lào Cai, Đồng Đăng, Móng Cái, các vùng thuộc Dinh Lập, Tràng Định, Lộ Bình, Văn Lang thuộc tỉnh Lạng Sơn, nhiều vùng đất thuộc tỉnh Hoàng Liên Sơn, Phong Thổ thuộc Lai Châu bị đánh chiếm bởi nhiều sư đoàn bộ binh có các binh chủng thiết giáp, pháo binh và cả không quân yểm trợ. Trước tình trạng này, đứng trên lập trường dân tộc và với tư cách một cựu sĩ quan quốc gia Việt Nam, tôi đã cực lực lên án chiến tranh xâm lược của Trung Cộng vào một nước Việt Nam độc lập, đồng thời kêu gọi dư luận quốc tế lên án hành động của Trung Cộng vi phạm trầm trọng các nguyên tắc của Hiến Chương Liên Hiệp Quốc và kêu gọi mọi người Việt sống tại hải ngoại hãy lên tiếng kết án hành động xâm lược của Trung Cộng. Quan điểm của tôi là luôn luôn chống lại chủ trương đi theo hay tìm hậu thuẫn của cộng sản Trung Quốc để đánh cộng sản Việt Nam của một số người. Tôi thấy nó chứa đựng một nội dung không lành mạnh, nếu không muốn nói là nguy hiểm, trên lập trường dân tộc và lập trường ý thức hệ. Thay vì cho Việt Nam

một bài học thì ngược lại Trung Cộng đã bị một bài học khá đau về khả năng chiến đấu thấp kém của Hồng Quân.

Trong thời gian này, tại hải ngoại nhất là tại Hoa Kỳ, dân di tản Việt Nam lại thấy xuất hiện những tổ chức chống cộng, do các chính khách của thời xưa hay các cựu quân nhân quân đội Cộng Hoà cũ thành lập. Đến đầu năm 1980, có thêm tổ chức kháng chiến do Đề Đốc Hoàng Cơ Minh lãnh đạo với cánh tay mặt là Phạm Văn Liễu. Tổ chức này phát triển mạnh trong cộng đồng người Việt định cư ở Mỹ, có những đại diện ở các nước Âu châu. Khởi đầu từ chuyện nhận công tác của những gia đình Mỹ có thân nhân mất tích ở Việt Nam hay Lào, những người chủ chốt đã chuyển dịch vụ này thành một Mặt Trận Quốc Gia Thống Nhất Giải phóng Việt Nam (MTQG-TNGP-VN).

Sự phát triển phong trào này có nhiều nguyên do. Trước hết là vấn đề tâm lý. Tất cả những người Việt di tản, hoặc gia đình tan nát, hoặc hôm trước hôm sau mất hết địa vị, tiền tài phải vật lộn làm lại cuộc đời trên đất định cư, giá trị xã hội cũ của họ bị đảo lộn nên đều chứa chất trong lòng một nỗi oán hận cộng sản và mong muốn chờ ngày phục thù. Đúng thời điểm này, đài truyền hình Mỹ đã đưa ra một phóng sự về kháng chiến Việt Nam với một số vài chục kháng chiến quân. Theo phóng viên nhiếp ảnh của đài CBS thì họ đã quay cuốn phim này ở chiến khu của lực lượng kháng chiến chống cộng do Đề Đốc Hoàng Cơ Minh lãnh đạo. Cộng đồng người Việt di tản đều phấn khởi, ủng hộ hoặc tham gia đồng đảo, mặc dầu cũng có một số người biết rõ ngọn nguồn, nhưng trong khí thế đó, nói ra không mấy người tin. Thực ra, cuộc phóng sự này do một phóng viên người Việt làm và cũng chỉ là một cuộc dàn cảnh, nguy tạo ngay cả với đài truyền hình. Càng phát triển thì giới lãnh đạo càng đi vào sự phân hoá vì quyền lợi, chức vụ và tài chánh. Kinh tài kháng chiến một phần do những người có thiện chí đóng góp, phần thì do giới thương gia người Việt ủng hộ, hoặc tiền thu được ở những buổi văn nghệ kháng chiến. Đáng phàn nàn là rất nhiều người thiện chí, đặc biệt là các cựu quân nhân đã bị lừa gạt mà vẫn giữ yên lặng không muốn nói ra.

Sau này, trong một vụ kiện giữa ông Vũ Ngự Chiêu, chủ nhiệm một tờ báo ở Houston với mặt trận kháng chiến, đại tá Phạm Văn Liễu, làm nhân chứng với tư cách một cựu lãnh tụ của MTQG-TNGP-VN, đã khai là lực lượng kháng chiến không quá 60 người. Cơ quan điều tra liên bang FBI và IRS theo dõi và điều tra về hoạt động của MTQG-TNGP-VN. Đến gần cuối tháng 4-1991 thì 5 nhân vật lãnh đạo của MTQG-TNGP-VN bị bắt vì nhiều tội danh, trong đó có việc sử dụng bất hợp pháp tiền quyên góp của kiều bào. Nhìn từ ngoài vào, đối với một số người tham gia kháng chiến phải chăng phong trào này là cơ hội thỏa mãn được ước vọng đấu tranh mà không gặp điều phiền phức phải chạm trán với địch thủ, hoặc là cơ hội hội họp gặp gỡ đồng hương để nhắc nhở quá khứ hay thay đổi không khí của cuộc sống lưu vong?

Tuy nhiên, trước những hành động như vậy, nỗi thất vọng của những người Việt thiện chí và dân chủ đặt tin tưởng vào những chế độ quốc gia trong mấy thập niên vừa qua đã quá lớn để có thể chịu thêm sự dối trá của một tổ chức lợi dụng lòng tin của những đồng bào di tản đã đem mồ hôi nước mắt giúp họ. Dù sao sau khủng hoảng về lãnh đạo và đường lối, đã có dấu hiệu là thành phần trẻ thiện chí và thật tâm đã tìm cách tập hợp lại ở ngoài những thành phần đã lỗi thời để chuyển hướng tranh đấu trên một căn bản lành mạnh hơn. Nếu được như vậy thì cũng là điểm tích cực đáng khuyến khích. Ông Đinh Quang Anh Thái phóng viên của tờ Thế Kỷ 21, số xuân Quý Dậu, tháng 11-1992, trong một buổi nói chuyện có hỏi là tôi nghĩ gì về giới chính trị và lãnh

đạo chống cộng. Ý kiến của tôi là những giới này đã không rút gì được những bài học đầy máu và nước mắt. Tình trạng phân hóa không những không thay đổi mà còn trầm trọng hơn. Do đó, người ta cảm thấy khó có thể xây dựng gì được với những tầng lớp lãnh đạo chính trị, quân sự cũ. Một phần vì họ đã lỗi thời. Phần khác, vì sau nhiều năm nắm chính quyền họ đã không mang lại gì được cho đất nước, dân tộc ngoài những hậu quả mà ta đã biết. Tuy vậy, cũng có trường hợp Trần Văn Bá hay Võ Đại Tôn đã hành động thiết thực, lời nói đi đôi với việc làm. Người ta có thể phê bình phương pháp hay sự thiếu chuẩn bị của họ, nhưng phải khâm phục lòng dũng cảm và tinh thần hy sinh của những người này cho lý tưởng của họ. Cũng trong buổi nói chuyện kể trên, ông Thái có hỏi Việt Nam sẽ ra sao trong những ngày sắp tới và muốn biết nội dung cuộc gặp gỡ giữa chúng tôi với ông Nguyễn Cơ Thạch, ngoại trưởng của nước Cộng Hoà Xã hội Chủ Nghĩa Việt Nam. Câu trả lời của tôi về tương lai Việt Nam như sau : *Hậu quả hơn 30 năm chiến tranh và 17 năm quản trị cộng sản để lại một tình trạng vô cùng khó khăn về mọi mặt. Hạ tầng cơ sở kinh tế, kỹ nghệ bị tàn phá. Vốn liếng kiệt quệ, đưa tới những hậu quả về mặt xã hội như nạn thất nghiệp, suy đồi luân lý, dĩ điểm, kèm thêm hậu quả chiến tranh như thương phế binh, cô nhi quả phụ v.v.. Do đó, dù chế độ hiện tại biến thể hay đổ xuống, dân tộc Việt Nam còn gặp nhiều thử thách gay go. Chúng ta không nên lạc quan tưởng rằng mọi vấn đề sẽ được giải quyết mỹ mãn, khi có thay đổi ở Việt Nam. Chánh sách nắm chính trị, mở kinh tế hiện thời của chế độ sẽ là cơ hội cho nạn tham nhũng trầm trọng hơn trong tầng lớp lãnh đạo có quyền quyết định đầu tư của tư bản ngoại quốc. Đồng thời còn tạo ra một tầng lớp xã hội mới và số tư bản Việt Nam phi dân tộc. Việt Nam sẽ trở thành một nước công nhân phục vụ cho tư bản Đài Loan, Thái Lan, Hồng Kông, Tân Gia Ba v.v.. Dĩ nhiên, kinh tế dưới hình thức phát triển này sẽ tìm được giải đáp khả quan một số vấn đề như nạn thất nghiệp, đời sống dân chúng một vài vùng. Đầu tư tư bản ngoại quốc không ngoài mục đích thâm hoạch lợi nhuận triệt để, khai thác tài nguyên không cần chú ý tới vấn đề bảo vệ môi sinh, sẽ đem lại hậu quả tiêu cực trong tương lai, nếu chánh sách của chính quyền chỉ nhằm đáp ứng nhưng nhu cầu cấp bách. Hoàn cảnh đòi hỏi những người nắm chính quyền sau này một đường lối thực tế, không mị dân và nhất là sự cộng tác của mọi thành phần dân tộc".*

Về buổi gặp ông Nguyễn Cơ Thạch, phó chủ tịch hội đồng bộ trưởng kiêm bộ trưởng ngoại giao của chính phủ Cộng Hoà Xã hội Chủ Nghĩa VN, tôi cần nhấn mạnh là sự khởi xướng do phía cộng sản, chúng tôi không hiểu là tự ý cá nhân ông Thạch hay do chỉ thị của một thành phần trong bộ chính trị. Nhưng trong hệ thống cộng sản thì nói chung là tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, nên giả thuyết thứ hai ít nhiều có phần đúng. Khởi đầu là trong cuộc về Việt Nam vì công việc, một vài người bạn của đại tá Nguyễn Huy Lợi đã gặp nhiều nhân vật trong chính phủ và trong trung ương đảng. Tất cả đều đồng ý là phải sớm quên đi quá khứ để bắt tay nhau xây dựng một nước Việt Nam mới. Họ sẵn sàng gặp đại tá Lợi. Lúc đầu họ đề nghị gặp ở Nam Dương, vì trong thời điểm đó có mặt một phái đoàn ngoại giao của chính phủ CHXHCNVN sang thăm. Chúng tôi đề nghị nếu có thể được thì nên gặp ở New York hay Paris thì tiện cho những người ở Mỹ qua. Nhân dịp ông Thạch công du Âu châu nên bên ông Thạch đồng ý. Ông Phạm Bình, đại sứ tại Pháp tổ chức buổi họp ở toà đại sứ Việt Nam đường Boileau, quận 16 Paris, ngày 21-6-1989. Sau những trao đổi xã giao thường lệ lúc buổi họp bắt đầu, ông Thạch muốn thu gọn chương trình nghị sự vào vấn đề kinh tế và kiến thiết. Nhưng trong bài phát biểu của mình, ông Lợi đã đặt vấn đề của buổi họp trên một nội dung rộng hơn như sau:

" ... Hôm nay cùng ngồi lại với quý vị trong chính phủ Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa để tìm ra một giải pháp, bắt tay nhau làm việc, nhằm đóng góp và kiến thiết đất nước thân yêu của chúng ta... Trước tình trạng hiện nay của đất nước, chúng ta có rất nhiều vấn đề phải giải quyết. Có vấn đề có thể làm ngay được, có những vấn đề phải có thời gian, phương tiện và còn tùy thuộc vào tình hình chung của Thế giới.

Trước mắt chúng ta, vấn đề nhức nhối nhất là hận thù và chia rẽ đã ăn sâu vào tiềm thức của mọi thành phần dân tộc, kết quả của một giai đoạn lịch sử tương tàn khốc liệt đã qua. Chúng ta tất cả đều đã phải trả những giá quá đắt chỉ vì hận thù và chia rẽ. Nhìn ra thế giới, những quốc gia cùng một hoàn cảnh với chúng ta trong ba, bốn mươi năm về trước, nay họ đã có cơ hội phát triển, đưa đất nước họ lên ngang hàng với các quốc gia tiên tiến, trong khi đó toàn dân ta vẫn còn phải vật lộn trong lầm than, nghèo đói và lạc hậu. Do đó, chúng tôi, một tập hợp của một số người Việt khắp nơi, trong và ngoài nước, bao gồm mọi thành phần, dang tay xóa bỏ hận thù, chia rẽ, nhận ra nhau là anh em trong tình đồng bào để cùng nhau xây dựng đất nước. Về phía Chính phủ Việt Nam, chúng tôi kêu gọi quý vị, trong tinh thần dân tộc, lấy tinh thần hoà giải làm căn bản trong mọi chủ trương và hành động. Cụ thể là giải quyết nhanh chóng các vấn đề đối với tù nhân chính trị, tài sản tịch thu, và các vấn đề đoàn tụ gia đình cho người Việt khắp nơi. Tiếp theo đó, trong một viễn ảnh rộng lớn và lâu dài hơn, để có niềm tin của dân chúng Việt Nam cũng như nhân dân thế giới, chính phủ Việt Nam cần thiết lập những căn bản pháp lý xác định sự tôn trọng nhân quyền và những giá trị căn bản của người dân. Mọi công dân Việt phải được đối xử công bằng trên căn bản pháp trị và được luật pháp bảo vệ, tôn trọng như một dân tộc đã trưởng thành và có đầy đủ ý thức trách nhiệm... Đối với thế giới? Việt Nam đang bị cô lập... Chúng ta thấy rằng nếu Việt Nam ở vào thế đứng không liên kết sẽ là điều kiện thuận lợi cho công cuộc phục hưng đất nước về mọi phương diện.

Thưa quý vị,

hy vọng rằng từ giờ phút ngồi chung với nhau ở đây, chúng ta đã gây ra được một mầm non cho cây Việt Nam mới trong khung trời tươi sáng mà dân tộc ta đã mong chờ quá lâu".

Sau buổi họp, chúng tôi đề nghị ra một thông cáo chung. Nhưng phía bên kia vì lý do chính trị nội bộ chỉ muốn mỗi phái đoàn ra một thông cáo riêng. Toà đại sứ chánh phủ Việt Nam đã phổ biến thông cáo sau:

" Ngày 21 và 24 tháng 6 năm 1989, tại Paris, phó chủ tịch hội đồng bộ trưởng, bộ trưởng ngoại giao Nguyễn Cơ Thạch đã tiếp một phái đoàn do ông Nguyễn Huy Lợi dẫn đầu, đại diện cho một số những người Việt Nam ở nước ngoài có nhiệt tâm muốn đóng góp vào việc xây dựng lại đất nước trong tình hình mới.

Cuộc gặp này được tiến hành tiếp theo cuộc gặp lần trước vào tháng 5 năm 1989 của đại diện phái đoàn này với đồng chí Nguyễn Cơ Thạch tại Hà Nội. Đồng chí Nguyễn Cơ Thạch đã trao đổi với phái đoàn về đường lối đổi mới và dân chủ hoá đời sống chính trị, kinh tế, xã hội của nước nhà hiện nay. Trên tinh thần đại đoàn kết dân tộc và vì quyền lợi tối cao của đất nước, đồng chí đã nhấn mạnh chính sách hoà hợp hoà giải của nhà nước ta... Cũng trên tinh thần đó, bộ trưởng đã thông báo về các cuộc gặp mới đây với đại diện của chính quyền Mỹ ở Genève về các vấn đề nhân đạo... Bộ trưởng hoan nghênh thiện chí và nhiệt tình của phái đoàn và mong muốn rằng cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài có nhiều đóng góp thiết thực vào việc xây dựng lại tổ quốc Việt Nam.

Paris, ngày 24 tháng 6 năm 1989".

Trong buổi nói chuyện với phóng viên báo Thế Kỷ 21 nói trên, tôi có nói là "Trong cuộc gặp gỡ sơ khởi này, chúng tôi rất thực tế và không chờ đợi gì ở chế độ cộng sản trong một tương lai gần vì ý thức rõ rệt sự nặng nề của bộ máy chính trị cộng sản. Mục đích cuộc họp là để tạo ra sự bắt đầu một quá trình đối thoại trực tiếp giữa người Việt, cộng sản và chống cộng sản không qua một áp lực nào của ngoại bang. Có thể cuộc gặp gỡ đó đã phá vỡ một điều cấm kỵ mà từ trước đến nay, người Việt không cộng sản chưa bao giờ dám vượt qua. Cuộc binh biến 11-11-1960 mở đầu cho sự sụp đổ của chế độ gia đình trị, độc tài, độc đảng. Cuộc gặp gỡ ở Paris giữa người cộng sản và người chống cộng có thể mở đầu cho một giai đoạn chính trị mới". Trong buổi họp này, tôi có phát biểu ý kiến là "Đất nước trong tương lai tiến tới hay thoái hoá là hoàn toàn do trách nhiệm của các ông là người hiện đang một mình nắm giữ chánh quyền chứ không còn là trách nhiệm của những người quốc gia nữa".

Sau buổi họp đó, cộng đồng người Việt, nhất là ở Mỹ xôn xao, dao động. Báo chí và các đoàn thể chống cộng công kích dữ dội ông Lợi, là Việt gian, là cộng sản, là lấy danh nghĩa gì để đại diện cho cộng đồng và "tố cáo trước công luận Hoa Kỳ và thế giới những hành vi chính trị hoạt đầu này" v.v.. Có tờ báo nào tương đối đứng đắn thì mỉa mai là những đòi hỏi này hời hợt và không rõ ông Nguyễn Cơ Thạch có trả lời những câu hỏi không và vấn đề đặt ra chỉ là "vài ba cái lẻ tẻ", hoặc ông Lợi là người ít được biết đến trong đại chúng. Nếu có được tiếng tăm như một số chính khách Việt Nam, ở trong nước trước đây cũng như ngoài nước bây giờ, thì sự ít được đại chúng biết đến là điều đáng để tự hào. Ngược lại, không thiếu người biết ông Nguyễn Huy Lợi như một sĩ quan cương trực, dám nói những điều nhiều người nghĩ mà không dám nói, hoặc dám làm những điều nhiều người muốn làm mà không dám làm. Xét cho cùng thì người cộng sản trên phương diện chính trị không ấu trĩ gì để hội đàm với những nhân vật không có một hậu thuẫn chính trị hay ngoại giao nào. Nói đúng ra thì những đòi hỏi ông Lợi đưa ra trong buổi hội kiến với ông Nguyễn Cơ Thạch đã được nhiều báo chí hay hội đoàn nói đến trong các tuyên ngôn hay chương trình chính trị. Nhưng đây là lần đầu tiên, một nhân vật quốc gia chống cộng đã trực tiếp nói những đòi hỏi này với một nhân vật lãnh đạo cao cấp của cộng sản, trong một cuộc họp chính thức ở toà đại sứ của họ, với hai bản thông cáo chính thức. Ngược lại với những luận điệu công kích, ông Lợi không bao giờ tự cho là đại diện của cộng đồng Việt Nam ở nước ngoài, mà chỉ đại diện cho những người bạn của ông ta mà thôi. Nói cộng đồng người Việt, nhưng thực chất là những người này chỉ muốn đồng hoá cộng đồng với những hội đoàn. Và trong trường hợp này, ông Lợi chưa đến nỗi mất trí để nhận là đại diện của một số hội đoàn mà mọi người đều thấy thiếu đứng đắn. Và tại sao lại tố cáo trước công luận Hoa Kỳ và thế giới một hành động chính trị giữa những người Việt khác chính kiến với nhau? Người ta có cảm tưởng là những hành động lập công đi mách vắn chưa hết trong tâm lý của một số người Việt. Nếu mách được cho công luận Hoa Kỳ và thế giới biết thì chắc chắn dân chúng Mỹ và thế giới cũng ngạc nhiên hay thương hại cho dân Việt, vì chuyện gặp nhau giữa những người Việt không đồng chính kiến để tìm một giải pháp cho việc riêng của đất nước không ăn nhằm gì đến họ. Thằng hoặc nếu có thì chắc họ cũng mừng là người Việt đã bót thù hận nhau. Thật ra, trong một buổi tiếp xúc với ông Lợi, nhân viên bộ ngoại giao Hoa Kỳ tán thành cuộc gặp gỡ và mong rằng chế độ Việt Nam có nhiều người đại diện cho một đường lối cởi mở và họ chúc ông Lợi thành công trong công việc ông ta theo đuổi.

Thứ nhì, trong một buổi họp có thể nói là chỉ để thiết lập một sự liên lạc thì không thể chờ đợi người đối thoại phải trả lời ngay những vấn đề được nêu lên. Nói tóm lại, những phản ứng đó là điều dễ hiểu và thường tình của những người chỉ có một tư tưởng độc nhất như người ta thường nói. Họ không có thể có những suy nghĩ nào khác ngoài chủ trương chống cộng triệt để một chiều mà hậu quả là ngày 30-4-1975. Mãi đi mãi trên đường lối chống cộng đơn giản và sơ đẳng, các hội đoàn đã bất ngờ choáng váng về buổi họp nói trên. Một cuộc họp phần nào nhìn nhận thể chính trị ngoại giao của ông Lợi và tổ chức của ông ta, mà nguyên tắc là luôn luôn kín đáo, nhằm mục đích không để cho bị phá hoại, không khoa trương để lấy thanh thế, chỉ hành động khi có cơ hội và đủ phương tiện. Việc công kích, bôi nhọ rồi dần dần cũng nguội đi, và người ta bắt đầu suy nghĩ về đường lối đó. Tuy vậy, cũng không thiếu những người ủng hộ hay đồng ý với hành động của ông Lợi. Thường nên nói thẳng ra là một số người chống cộng triệt để và ngay cả những cán bộ MTQGTNGPVN cũng đã bỏ quên lý tưởng để lạng lẽ về thăm Việt Nam. Khách quan nhận xét thì sự trở về du lịch hay thăm gia đình của người Việt di tản có tác động truyền bá tinh thần dân chủ trong nhân dân trong nước dưới hình thức kể lại cuộc sống ở những nước định cư.